

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31-3-2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hoàng Vũ.

2. Bà Quách Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Nguyễn - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/02/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1984 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu V, phường L, thị xã M, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh L, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/11/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ và anh L kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Trà Lồng, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang (nay do sáp nhập nên thuộc phường Trà Lồng, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang). Sau khi cưới nhau vợ chồng chị và anh L sinh sống tại ấp Đập Đá 2, xã Vĩnh Phong đến tháng 12/2013 vợ chồng bất đồng quan điểm,

thường xuyên cự cãi không thể chung sống được nên chị Đ đã trở về gia đình cha mẹ ruột tại Khu Vực 2, phường Trà Lồng, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang sinh sống cho đến nay. Nay chị Đ yêu cầu ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị Đ xác định vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Tiểu B, giới tính nữ, sinh ngày 03/01/2012, từ khi ly thân đến nay chị Đ là người trực tiếp nuôi con, chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh L để anh trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đ cũng như tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa nhưng anh L không nộp bản tự khai cho Tòa án, cố tình trốn tránh, vắng mặt không rõ lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định; tuy nhiên bị đơn vi phạm những quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ đối với anh L. Về con chung đề nghị giao cháu Nguyễn Tiểu B, giới tính nữ, sinh ngày 03/01/2012 cho chị Đ nuôi dưỡng, về cấp dưỡng chị Đ không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của anh L không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án

nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh L.

[2] *Quan hệ pháp luật tranh chấp*: Nguyên đơn chị Đ yêu cầu ly hôn với bị đơn anh L và có yêu cầu giải quyết về nuôi con chung. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Thẩm quyền giải quyết vụ án*: Bị đơn anh L có nơi cư trú tại ấp Đập Đá 2, xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[4] *Về nội dung vụ án*: Chị Đ và anh L xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2012, anh và chị có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Trà Lồng và được cấp giấy đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống chị Đ với anh L đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, Tòa án đã tổ chức hòa giải nhưng vẫn không thể hàn gắn được do anh L cố tình vắng mặt. Nay chị Đ yêu cầu ly hôn nhưng anh L không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình, anh không có văn bản thể hiện ý kiến gì để Tòa án xem xét, cố tình vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Mặt khác, chị Đ và anh L đã sống ly thân từ tháng 12/2013 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó áp dụng Điều 56 (*Ly hôn theo yêu cầu của một bên*) của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận cho chị Đ được ly hôn với anh L.

[5] *Về con chung*: Chị Đ xác định trong thời gian chung sống vợ chồng chị có 01 con chung tên Nguyễn Tiểu B, giới tính nữ, sinh ngày 03/01/2012, hiện cháu B đang chung sống với chị Đ, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy nguyện vọng của cháu B được chung sống với chị Đ, từ khi chị Đ và anh L sống ly thân cho đến nay chị Đ là người trực tiếp nuôi con, cuộc sống của con được đảm bảo, chính quyền địa phương xác nhận chị Đ có đủ điều kiện nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81 (*quy định về việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn*) của Luật hôn nhân và gia đình

2014, giao cháu Nguyễn Tiểu B, giới tính nữ, sinh ngày 03/01/2012 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ Điều 82 (*quy định nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*) của Luật hôn nhân và gia đình 2014, anh L là người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[6] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Do chị Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Đ xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, chị Đ phải chịu toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc Đ được ly hôn với anh Nguyễn Minh L.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tiểu B, giới tính nữ, sinh ngày 03/01/2012 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng (cháu B chung sống với chị Đ), anh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh L có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và không thiếu nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Ngọc Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ

thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0003875 ngày 03/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận; chị Đ đã nộp đủ án phí.

5. Nguyên đơn chị Đ có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND thị trấn Trà Lồng (nay là phường Trà Lồng);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phụng